

BÁO CÁO

Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Kính gửi:

- Đoàn giám sát “*Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*”;
- Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

Thực hiện Kế hoạch số 345/KH-ĐGS ngày 24 tháng 11 năm 2022 Về Kế hoạch chi tiết giám sát chuyên đề “*Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*” và Công văn số 349/ĐGS-DT ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc báo cáo việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Đoàn giám sát “*Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*” (Đoàn giám sát Quốc hội), Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo tình hình triển khai thực hiện như sau:

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, ở phía Bắc Tây Nguyên, có vị trí địa chính trị quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng Tây Nguyên; diện tích tự nhiên gần 9.677 km², toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, 102 xã, phường, thị trấn (trong đó có 13 xã biên giới giáp Lào và Campuchia). Tỉnh có đường biên giới dài 292,522 km (giáp Lào 154,222 km, giáp Campuchia 138,3 km).

Tỉnh Kon Tum thuộc khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, giáp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, kết nối trực tiếp với hành lang kinh tế Đông - Tây (Myanma - Thái lan - Lào - Campuchia - Việt Nam); là

điểm khởi đầu của trục phát triển kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn. Tỉnh Kon Tum được coi là điểm nổi quan trọng giữa vùng Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia với vùng kinh tế trọng điểm miền trung; có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về mặt quốc phòng, an ninh và là khu vực bảo vệ môi trường sinh thái quan trọng của cả nước.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2022 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 17.627 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó: Nông - Lâm - Thủy sản tăng 6,19%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 14,88%; Dịch vụ tăng 8,03%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,58%; GRDP bình quân đầu người tăng từ 46,78 triệu đồng năm 2021 lên 52,44 triệu đồng năm 2022. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2022 đạt gần 4.015 tỷ đồng, đạt 144,1% dự toán Trung ương giao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2022 đạt 55,7%, tạo việc làm cho 6.858 lao động; hộ nghèo toàn tỉnh năm 2022 còn 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó có 15.215 hộ nghèo dân tộc thiểu số, số hộ thoát nghèo trong năm 2022 đạt 6.781 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 4,46%.

Về cơ sở hạ tầng, đến nay toàn tỉnh có khoảng 6.092 km đường giao thông bộ, hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn ở các huyện biên giới được quan tâm đầu tư. Có 605 công trình thủy lợi kiên cố vừa và nhỏ, trong đó 48 hồ chứa nước với tổng dung tích toàn bộ là $83,48 \times 10^6 \text{m}^3$. Hệ thống điện được quan tâm đầu tư, đến nay 100% số xã phường có điện Quốc gia, số thôn có lưới điện quốc gia đạt 100%, số hộ có lưới điện quốc gia gần đạt 99,7%. 07 đô thị trên địa bàn tỉnh có hệ thống cấp nước sạch tập trung và hiện nay đang tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước hiện có. Trên địa bàn tỉnh có Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, 04 khu công nghiệp, 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt; mạng lưới bưu chính, viễn thông được đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ,...

Dân số toàn tỉnh khoảng 569.000 người với 43 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 54%, có 07 dân tộc thiểu số tại chỗ, trên 42% dân số theo các tôn giáo. Lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư, phát triển góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Hạ tầng cơ sở và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp, mạng lưới y tế từng bước được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả, chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được nâng lên, đã có 100% trạm y tế đã có bác sỹ, 99% xã đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp học được sắp xếp hợp lý, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được chú trọng, đến nay toàn tỉnh có 182 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 của tỉnh đạt 97,69%.

2. Khái quát về mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia

2.1. Về mục tiêu, nhiệm vụ, địa bàn thực hiện

2.1.1. Mục tiêu chung

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) trên cơ sở huy động và lồng ghép, tích hợp các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Qua đó, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân; phấn đấu thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu được Trung ương giao.

- Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước thay đổi diện mạo nông thôn, cấu trúc lại ngành nông nghiệp, tạo lập các cơ hội việc làm, mô hình sản xuất kinh doanh; tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*: Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022-2025 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 4%; phấn đấu trên 26 xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt trên 50%); có 21 thôn ra khỏi địa bàn thôn đặc biệt khó khăn (tỷ lệ thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn đạt 51,2%); 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất, 20% hộ dân tộc thiểu số trở lên tham gia vào hợp tác xã; cơ bản hoàn thành công tác bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, thiên tai sạt lở; 100% thôn, làng có nhà rộng truyền thống được sửa chữa, trùng tu định kỳ; trên 90% hộ dân tộc thiểu số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*: Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 4%/năm. Trong đó chi tiết chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm trên địa bàn các huyện, thành phố như sau: Huyện Tu Mơ Rông 8%; huyện Kon Plông 8%; huyện Ia H' Drai 8%; huyện Kon Rẫy 6,6%; huyện Đăk Glei 6%; huyện Sa Thầy 6%; huyện Đăk Hà 3,43%; huyện Đăk Tô 3%; huyện Ngọc Hồi 0,94%; thành phố Kon Tum 0,73%.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*: Toàn tỉnh có từ 60 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong các xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số xã đạt chuẩn 15 tiêu chí trở lên; các xã mỗi năm đạt thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên theo bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới; 100% xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật Hợp tác

xã. Có 04 huyện và thành phố Kon Tum đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phần đầu có 50% số thôn (*làng*) vùng đồng bào dân tộc thiểu số được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí thôn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2.1.3. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh.

2.2. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện

2.2.1. Ngân sách nhà nước bố trí thực hiện các chương trình MTQG tối thiểu là 5.687 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 4.792,78 tỷ đồng, bao gồm:
- + Vốn đầu tư phát triển: 2.752,66 tỷ đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 2.040,12 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 894,36 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, địa phương tiếp tục cân đối ngân sách địa phương để ưu tiên hỗ trợ thêm cho các chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

2.2.2. Tổng vốn huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 10.522,33 tỷ đồng, với cơ cấu cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách Trung ương bố trí trực tiếp để thực hiện các chương trình: 4.792,78 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: Dự kiến khoảng 894,36 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng (*đư nợ cho vay trên địa bàn các xã giai đoạn 2021-2025*): Dự kiến khoảng 1.531,86 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép (*giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác*), huy động khác (*doanh nghiệp, đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng*): Dự kiến khoảng 3.303,32 tỷ đồng.

Phần 1

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về tổ chức bộ máy thực hiện

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025⁽¹⁾; ban hành Quy chế hoạt động⁽²⁾, Chương trình công tác năm 2022⁽³⁾ phân công nhiệm vụ cụ thể cho

⁽¹⁾ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁾ Quyết định số 671/QĐ-BCĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

các cơ quan thành viên của Ban chỉ đạo; thành lập 03 Tổ công tác và chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của các Tổ công tác các chương trình MTQG; tiếp tục duy trì Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; 10/10 huyện, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, đồng thời ban hành quy chế hoạt động để triển khai thực hiện. Ở cấp xã, các địa phương đã triển khai công tác kiện toàn, thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình MTQG và quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay công tác kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc các cấp được thực hiện kịp thời, đảm bảo cho công tác điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh.

2. Về văn bản hướng dẫn thực hiện

2.1. Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG⁽⁴⁾, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG⁽⁵⁾, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư⁽⁶⁾ và ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các chương trình MTQG⁽⁷⁾,... Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã kịp thời ban hành nhiều văn bản, kế hoạch để chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, cụ thể hóa,... đảm bảo đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt việc quản lý, điều hành, hướng dẫn thực hiện 03 chương trình MTQG⁽⁸⁾.

2.2. Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư các chương trình, Nghị định số

⁽³⁾ Quyết định số 1666/QĐ-BCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh.

⁽⁴⁾ Các Nghị quyết số: 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020; 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021; 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021.

⁽⁵⁾ Các Quyết định số: 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020; 1705/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2021; 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021.

⁽⁶⁾ Các Quyết định số: 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021; Số: 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022; 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022.

⁽⁷⁾ Các Quyết định số: 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021; 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022; 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022.

⁽⁸⁾ Như các Văn bản số: 2571/UBND-KTTH ngày 17 tháng 7 năm 2020 triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; 3883/UBND-KTTH ngày 13 tháng 10 năm 2020 triển khai Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; 3247/UBND-NNTN ngày 13 tháng 9 năm 2021 triển khai các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; 3737/UBND-NNTN ngày 18 tháng 10 năm 2021 triển khai Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 4427/KH-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; 611/UBND-NNTN ngày 04 tháng 3 năm 2022 triển khai Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; 980/UBND-NNTN ngày 08 tháng 4 năm 2022 triển khai Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;...

27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định của Trung ương, tỉnh Kon Tum đã chủ động, tập trung triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình trên địa bàn, đến nay đã ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời các văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, cụ thể: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 19 Nghị quyết (*trong đó có 13 Nghị quyết quy phạm pháp luật*), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 24 Quyết định (*trong đó có 02 Quyết định quy phạm pháp luật*), 02 Chỉ thị, 22 Kế hoạch,... làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 (*chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo*).

Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo, gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai, cụ thể hóa các quy định tại địa phương cũng như ảnh hưởng đến các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình. Đến tháng 3 năm 2022, công tác phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương của các chương trình mới cơ bản hoàn thành. Tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện của các cơ quan Trung ương chủ chương trình, chủ dự án thành phần chưa hoàn thành đồng bộ, kịp thời, đến tháng 8 năm 2022 mới hoàn thành đầy đủ các thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của 03 chương trình.

Việc xây dựng, ban hành một khối lượng lớn các văn bản trong điều kiện thiếu nhiều hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương; phải tích hợp nhiều chính sách khác nhau liên quan đến nhiều cơ quan, nhiều ngành; vừa phải kịp thời đáp ứng tiến độ, vừa phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định có liên quan là sự nỗ lực rất cao của địa phương, tuy vậy một số quy định hoàn thiện và ban hành trong thời gian ngắn dẫn đến thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ nên phải điều chỉnh, bổ sung khi cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới.

3. Về lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và thực hiện dự toán

3.1. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- *Về vốn ngân sách Trung ương*: Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao⁽⁹⁾, Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁰⁾,

⁽⁹⁾ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

⁽¹⁰⁾ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum⁽¹¹⁾ đã phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo tiến độ trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo yêu cầu của Trung ương. Theo đó, tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ, giao cho các đơn vị, địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là **2.752.664** triệu đồng, bằng 100% kế hoạch vốn Trung ương giao; trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 1.728.068 triệu đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 637.726 triệu đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 386.870 triệu đồng.

- **Về vốn ngân sách địa phương:** Căn cứ quy định về tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹²⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum⁽¹³⁾ đã giao tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025 là **623.450** triệu đồng, đảm bảo theo tỷ lệ đối ứng từng Chương trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ⁽¹⁴⁾ (*vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 chưa có cơ sở để xác định mức đối ứng*). Hiện nay địa phương đang rà soát, cân đối nguồn ngân sách các cấp để bố trí đối ứng đảm bảo theo mức vốn nêu trên, trong đó kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh⁽¹⁵⁾ đã bố trí được 230.947 triệu đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (*chưa tính nguồn ngân sách cấp huyện, xã*).

3.2. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2022, 2023

⁽¹¹⁾ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹²⁾ Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹³⁾ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁴⁾ Cụ thể: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 172.807 triệu đồng (*ngân sách cấp tỉnh 23.021 triệu đồng; ngân sách cấp huyện, xã 149.783 triệu đồng*); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 63.773 triệu đồng (*ngân sách cấp tỉnh 8.239 triệu đồng; ngân sách cấp huyện, xã 55.534 triệu đồng*); chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 386.870 triệu đồng (*ngân sách cấp tỉnh 193.435 triệu đồng; ngân sách cấp huyện, xã 193.435 triệu đồng*).

⁽¹⁵⁾ Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum.

- **Về vốn ngân sách Trung ương:** Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022, 2023 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022, 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương, với tổng dự toán **2.076.115** triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 1.347.566 triệu đồng, vốn sự nghiệp 728.549 triệu đồng⁽¹⁶⁾*); đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất.

Đến ngày 20 tháng 02 năm 2023, giải ngân kế hoạch năm 2022 đạt **456.127** triệu đồng, đạt **50,77%** dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 đạt **39.586** triệu đồng, đạt **3,18%** dự toán Trung ương giao.

- **Về vốn ngân sách địa phương:** Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương đã cân đối bố trí đối ứng, lồng ghép thực hiện các chương trình khoảng **465.216** triệu đồng (*năm 2022 là 319.979 triệu đồng; năm 2023 là 145.237 triệu đồng (chưa bao gồm vốn đầu tư ngân sách cấp huyện, xã)*). Hiện nay địa phương đang tiếp tục rà soát, cân đối nguồn ngân sách các cấp để bố trí đối ứng đảm bảo theo quy định.

3.3. Công tác lập kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 5 năm; công tác lồng ghép nguồn vốn thực hiện

Căn cứ quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 62/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Kế hoạch số 4362/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 về thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình; khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình tại địa phương; nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù; danh mục dự án đầu tư ưu tiên và giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định (*chi tiết tại phụ lục 02, 03, 04, 05 kèm theo*).

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện

4.1. Về công tác thông tin, tuyên truyền việc triển khai thực hiện

⁽¹⁶⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 898.432 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 672.411 triệu đồng, vốn sự nghiệp 226.021 triệu đồng*).

Dự toán năm 2023 đã giao là 1.177.683 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 675.155 triệu đồng, vốn sự nghiệp 502.528 triệu đồng*).

Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên, sâu rộng. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch truyền thông, tuyên truyền các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025⁽¹⁷⁾.

Tỉnh Kon Tum đã tổ chức phát động và triển khai cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” gắn với triển khai cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Kon Tum chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021-2025⁽¹⁸⁾, Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” giai đoạn 2021-2025⁽¹⁹⁾.

Định kỳ mỗi đầu năm, tỉnh tổ chức Lễ ra quân phát động phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào chỉnh trang đô thị, các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh và đạt được nhiều kết quả, thu hút sự quan tâm, tham gia của cả hệ thống chính trị, xã hội và đông đảo tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

4.2. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025⁽²⁰⁾ và năm 2022 theo quy định; triển khai đánh giá, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 theo quy định⁽²¹⁾.

Ngoài ra, tỉnh đã triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phục vụ

⁽¹⁷⁾ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2973/KH-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai các hoạt động truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2980/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về thực hiện công tác truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽¹⁸⁾ Kế hoạch số 2017/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹⁹⁾ Kế hoạch số 2344/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁰⁾ Kế hoạch số 2442/KH-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2895/KH-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3568/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 về Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁽²¹⁾ - Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022.

- Báo cáo số 350/BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, năm 2022.

- Báo cáo số 357/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

các đoàn giám sát, đánh giá, kiểm tra, khảo sát của Hội đồng Dân tộc - Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam... phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Hội nghị trực tuyến toàn quốc về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia,...

Rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán về tình hình quản lý, điều hành các Dự án công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 (*trong năm 2022*); kiểm toán Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*năm 2023*).

Phần 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Kết quả chung 3 chương trình MTQG

Các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết những vấn đề cấp thiết, bức bách nhất của đời sống Nhân dân, được cấp ủy, chính quyền và người dân trên địa bàn tỉnh đặc biệt quan tâm. Sau 2 năm triển khai thực hiện các chương trình đã góp phần từng bước giải quyết có trọng tâm, trọng điểm những vấn đề bức xúc của đời sống xã hội. Công tác triển khai thực hiện các chương trình MTQG đã thực sự tạo được những bước chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo của người dân, thúc đẩy kinh tế phát triển. Cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với người dân được nâng cao, môi trường ngày càng được cải thiện. Các chương trình MTQG đã góp phần tích cực trong công tác giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo,... đồng thời góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về xây dựng môi trường văn hóa phong phú lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa của các tầng lớp nhân dân, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Kiến thức sản xuất, trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật của người dân được nâng lên, điều kiện chăm sóc sức khỏe ngày càng tốt hơn.

Kinh tế xã hội ở vùng sâu, vùng xa đã có bước phát triển; tỷ lệ hộ đói nghèo, thất nghiệp, thiếu việc làm và các tệ nạn xã hội giảm dần; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động được nâng cao; chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Cơ sở hạ tầng các huyện, xã nghèo, khó khăn được cải thiện đáng kể, các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường lớp học đã phát huy tốt hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định đời sống của Nhân dân trên địa bàn các huyện nghèo, các xã khó khăn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân.

Việc triển khai thực hiện các phong trào thi đua đã được thực hiện khẩn trương, đồng bộ, nghiêm túc, kịp thời với nhiều biện pháp, nội dung phù hợp, sát với thực tế và đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo tầng lớp Nhân dân. Thông qua triển khai thực hiện các phong trào đã có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh; bộ mặt nông thôn chuyển biến tích cực, có nhiều khởi sắc. Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư mở rộng, đưa vào sử dụng góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG cụ thể

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

2.1.1. Kết quả triển khai các nội dung thành phần của Chương trình

a) Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá

Các xã đã được lập Đồ án quy hoạch chung về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, do đó đến nay cơ bản đã hết thời hạn và cần phải rà soát lập mới quy hoạch đảm bảo theo quy định; hiện nay các địa phương đã triển khai thực hiện lập đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030, gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; đồng thời tiếp tục từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (*sau quy hoạch chung xây dựng xã*) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên hiện nay địa phương đang gặp khó khăn trong công tác tổ chức lập quy hoạch do quy hoạch vùng cấp huyện chưa được lập (*toàn tỉnh chỉ có 02/10 huyện, thành phố có quy hoạch vùng còn hiệu lực là thành phố Kon Tum và huyện Kon Plông*).

Đối với quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng xây dựng nông thôn mới: Hiện toàn tỉnh có 02/10 đơn vị cấp huyện có quy hoạch vùng còn hiệu lực và 08 huyện đã hết hiệu lực quy hoạch vùng; các địa phương đang triển khai thực hiện; tuy nhiên do quy hoạch cấp tỉnh đến nay chưa được phê duyệt, do đó chưa có cơ sở để phê duyệt quy hoạch vùng huyện.

b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng

Trong thời gian qua, công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với thực hiện tốt phương châm “*Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*”, “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”, trong đó chú trọng đầu tư các công trình phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của người dân, nhất là giao thông nông thôn,

cấp nước sinh hoạt, công trình thủy lợi đa mục tiêu... đã được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, kết quả:

- Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện đã được chú trọng và ưu tiên nguồn lực để đầu tư thực hiện; 100% số xã có đường ô tô đến trụ sở xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá; 100% đường trục thôn đảm bảo đi lại thuận lợi quanh năm (*trong đó, tỷ lệ cứng hoá đạt 50%*).

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó tập trung vào duy tu, sửa chữa thủy lợi nhỏ, kênh mương nội đồng; công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, công tác phòng chống ứng phó với động đất; kiểm tra thực tế công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai; phối hợp kiểm tra đánh giá hiện trạng tình hình động đất tại huyện Kon Plông; tổ chức tuyên truyền, phổ biến sổ tay kiến thức về động đất...

- 100% thôn có điện sinh hoạt; tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt từ các nguồn là 99,84%; hệ thống điện đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp học được sắp xếp hợp lý. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được chú trọng, đến nay toàn tỉnh có 189 trường⁽²²⁾ được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “*Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn*”; đẩy mạnh việc xây dựng và công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới. Các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa và danh thắng tiếp tục được bảo tồn, khôi phục. Tỷ lệ xã có nhà văn hóa là 56%; các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư⁽²³⁾. Đã triển khai điều tra, khảo sát công tác sửa chữa, bảo tồn nhà rông truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Hiện toàn tỉnh có 487 thôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có sinh hoạt văn hóa nhà rông; trong đó, 406 thôn có nhà rông, chiếm 83% và 81 thôn không có nhà rông, chiếm tỷ lệ 17%.

Theo bộ tiêu chí, đến nay toàn tỉnh có 70/85 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông; 84/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai; 64/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học; 81/85 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá, 85/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn; 84/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các

⁽²²⁾ Trong đó: 56 trường mầm non, 67 trường tiểu học, 53 trường trung học cơ sở và 13 trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú.

⁽²³⁾ Tổ chức triển khai chuẩn bị đầu tư các dự án: Nhà trưng bày Bảo tàng ngoài trời; Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh; Nhà thi đấu tổng hợp; Cải tạo, sửa chữa và bổ sung trang thiết bị Sân vận động tỉnh.

doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Kon Tum về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, đã đạt được những kết quả tích cực như: Diện tích các loại cây trồng sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ đạt khoảng 16.192,92 ha; các sản phẩm đạt năng suất và chất lượng cao, dần tìm được chỗ đứng trên thị trường, diện tích áp dụng theo các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đạt gần 800 ha⁽²⁴⁾; có 142 trang trại, hộ chăn nuôi áp dụng phương pháp nuôi chuồng kín⁽²⁵⁾, xây dựng 06 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; tổng diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ cao đạt khoảng 40 ha, sử dụng công nghệ giống mới, chế phẩm sinh học, máy quạt nước; đã hình thành và phát triển hệ thống công nghiệp chế biến với 29 cơ sở quy mô vừa; có 30 hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và chế biến.

- Công tác cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu tiếp tục được triển khai thực hiện, trong năm 2022 đã hỗ trợ và cấp được 14 mã số vùng trồng chuyên canh.

- Về phát triển kinh tế hợp tác: Đến nay đã có 157 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thu hút 2.493 thành viên và người lao động, dự kiến thu nhập bình quân khoảng 1.250 triệu đồng/hợp tác xã/năm. Có 185 tổ hợp tác nông nghiệp với 2.100 thành viên; thu nhập bình quân khoảng 192 triệu đồng/tổ hợp tác/năm. Có 65 trang trại trồng trọt chiếm 70%, 23 trang trại chăn nuôi chiếm 25%, 05 trang trại thủy sản chiếm 5%.

- Chương trình OCOP: Tổ chức 02 đợt đánh giá, công nhận thêm 59 sản phẩm đạt từ 3-4 sao; nâng tổng số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên là 205 sản phẩm, trong đó: 01 sản phẩm được Trung ương công nhận đạt 5 sao cấp quốc gia, 22 sản phẩm đạt 04 sao, 182 sản phẩm đạt 3 sao.

Theo bộ tiêu chí, đến nay toàn tỉnh có 42/85 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập; 75/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về lao động và 61/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn.

d) Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã

⁽²⁴⁾ Diện tích cây trồng theo các tiêu chuẩn: Global GAP đạt 150 ha; Hữu cơ đạt 29,7 ha; VietGAP đạt 287,8 ha; UTZ đạt 150 ha; Fairtrade Certificate đạt 168 ha.

⁽²⁵⁾ Có hệ thống làm mát về mùa hè và sưởi ấm về mùa đông, hệ thống quạt thông gió, có hệ thống xử lý chất thải tiên tiến đáp ứng tiêu chuẩn về chăn nuôi.

hội đảm bảo đúng đối tượng và đúng chế độ. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn năm 2022 là 15,14%.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư; thông qua nguồn hỗ trợ từ Ủy mật trận tổ quốc và huy động các tổ chức đã tập trung ưu tiên hỗ trợ các hộ nghèo, hộ chính sách xóa nhà tạm. Tiếp tục vận động Nhân dân đầu tư cải tạo nhà ở đạt chuẩn theo quy định; xây mới và nâng cấp các công trình vệ sinh phù hợp với chuẩn mới; cải tạo ao, vườn, công, ngõ, tường rào...

Theo bộ tiêu chí, đến nay toàn tỉnh có 58/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư; 43/85 xã đạt chuẩn về nghèo đa chiều.

đ) Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua trong các nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Công tác phát hiện và bồi dưỡng giáo viên giỏi, học sinh giỏi, học sinh năng khiếu được các trường thực hiện tốt; chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu được cải thiện. Số trẻ em, học sinh huy động ra lớp là 166.769 (đạt 99,7% so với kế hoạch huy động và tăng 3.000 trẻ em, học sinh so với cùng kỳ năm học 2012-2022)⁽²⁶⁾. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề năm 2022 đạt 22%.

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, duy trì hoạt động khám chữa bệnh thường xuyên tại các cơ sở y tế, triển khai khám bệnh bảo hiểm y tế tại các trạm y tế xã; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, chú trọng đến sự hài lòng của người bệnh, đảm bảo an toàn cho người dân. Đến nay, 100% trạm y tế (bao gồm Phòng khám đa khoa khu vực ở những xã không có trạm y tế) đã có bác sỹ. Công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm được triển khai tích cực⁽²⁷⁾. Tính đến 31 tháng 10 năm 2022, tổng số người tham gia BHYT là 503.195 người, tăng 14.929 người so với năm 2021; tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số là 91,49%; ước thực hiện năm 2022 đạt 92,75%, bằng 100% kế hoạch.

Theo bộ tiêu chí, đến nay toàn tỉnh có 70/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo; 74/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế.

e) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

⁽²⁶⁾ DTTS: 96.006 trẻ em, học sinh, gồm: mầm non có 24.667HSDTTS/40.009 trẻ; tiểu học có 40.319 HSDTTS/65.965 học sinh; THCS có 24.858 DTTS/44.419 học sinh; THPT có 6.612HSDTTS/16.376 học sinh.

⁽²⁷⁾ Tuyến tỉnh: Tổng số cơ sở được kiểm tra là 567, số cơ sở đạt yêu cầu là 556, tỷ lệ 98,01%. Tuyến huyện: Kiểm tra 3.057 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm là 2.542, tỷ lệ 83,15%; xử phạt vi phạm hành chính 21 cơ sở với số tiền là 12.150.000 đồng; tiêu hủy sản phẩm thực phẩm tại 51 cơ sở với 61 loại sản phẩm gồm 248,73 kg thực phẩm rắn và 512,75 lít thực phẩm lỏng.

Các hoạt động văn hoá tổ chức đảm bảo thiết thực, tạo không khí vui tươi trong Nhân dân, đảm bảo đáp ứng theo các biện pháp, phòng chống dịch bệnh COVID-19. Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số triển khai tích cực⁽²⁸⁾. Các di tích lịch sử được bảo tồn và phát huy. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì. Phong trào thể dục thể thao trong quần chúng Nhân dân tích cực triển khai⁽²⁹⁾. Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” được thực hiện lồng ghép, gắn kết với nhiều chương trình có ý nghĩa đã tạo nên sức mạnh cộng hưởng và lan tỏa mạnh mẽ đến từng khu dân cư. Ước tính năm 2022 toàn tỉnh có trên 91% khu dân cư được công nhận khu dân cư văn hóa và có trên 81% hộ gia đình được công nhận gia đình đạt chuẩn văn hóa. Kết quả có 84/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về văn hoá.

g) Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Kon Tum.

Công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua được huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo, đặc biệt việc tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao ý thức trong quản lý, sử dụng nước sạch, sử dụng nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường xung quanh; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; chỉnh trang, trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp. Vận động Nhân dân, các cơ sở sản xuất - kinh doanh đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định; bố trí chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, xa khu dân cư. Hướng dẫn các hộ chăn nuôi, cơ sở kinh doanh tổ chức ký bản tự cam kết bảo vệ môi trường; thu gom chất thải rắn tại các điểm tập kết trên địa bàn. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

Kết quả có 60/85 xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm.

h) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp

⁽²⁸⁾ Đã triển khai xây dựng mô hình điểm sinh hoạt văn hoá gắn với phát triển du lịch của đồng bào dân tộc thiểu số và tổ chức lớp truyền dạy về văn hoá truyền thống của dân tộc Xơ - Đăng (nhóm Ha Lăng) huyện Sa Thầy và dân tộc Ba Na (nhóm Giơ Lăng) huyện Kon Rẫy; xây dựng Kế hoạch lập hồ sơ khoa học Lễ ăn than của dân tộc Giê Triêng đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

⁽²⁹⁾ Tổ chức Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030 và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2022; Triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; triển khai Chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Năm 2022, số người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 32% dân số; số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 23,5% dân số.

cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt⁽³⁰⁾; mạng lưới bưu chính, viễn thông được đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ⁽³¹⁾; công tác đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin được chú trọng⁽³²⁾. Chương trình chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được các cấp, các ngành triển khai tích cực. Các chương trình Phát thanh, truyền hình ngày càng đa dạng về loại hình và phong phú nội dung, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân.

- Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025: Hiện nay tỉnh đang chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó lựa chọn xây dựng điểm một số mô hình xã nông thôn mới thông minh, thôn thông minh.

i) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”; trong năm 2022, Hội Nông dân cấp cơ sở đã tổ chức cho 12.870 hộ viên nông dân đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Sản xuất kinh doanh giỏi” các cấp; tuyên truyền, vận động hội viên giúp nhau vượt khó, thoát nghèo; vận động 18.083 hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa. Vận động hội viên, nông dân tham gia đóng góp 42.839 ngày công, diện tích đất đã hiến

⁽³⁰⁾ 100% cơ quan, địa phương được đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác chuyên môn. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của toàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 97% thông qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice), kết nối liên thông vào Trục liên thông văn bản quốc gia; 100% hồ sơ công việc của cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng (hồ sơ được tiếp nhận, lưu chuyên, xử lý dưới dạng hoàn toàn điện tử qua Cổng DVC, Hệ thống một cửa điện tử). 100% DVC đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.

⁽³¹⁾ Trên địa bàn tỉnh có 14 doanh nghiệp đang hoạt động. Mạng lưới bưu chính công cộng là 157 điểm với bán kính 4,4 km/điểm phục vụ, số dân phục vụ bình quân 3.578 người/điểm. Có 06 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động, với tổng số trạm phủ sóng thông tin di động mặt đất (BTS) là 1012 trạm, đạt 100% tổng số xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

⁽³²⁾ Toàn tỉnh có khoảng 35 hệ thống thông tin (trong đó đã phê duyệt: 20 hệ thống thông tin cấp độ 2, 02 hệ thống thông tin cấp độ 3). Trong năm 2022, Hệ thống giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC) đã ghi nhận, cảnh báo và thực hiện xử lý 17 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin của tỉnh.

4.042,6 m², đường giao thông đã được làm mới và sửa chữa 1.165 km, kênh mương đã được kiên cố hóa, sửa chữa 323 km và làm mới, sửa chữa 29 cầu, cống...

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã triển khai thực hiện Đề án “*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025*”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”.

- Tỉnh đoàn Kon Tum đã tổ chức các hoạt động tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới được triển khai rộng khắp, toàn diện từ tỉnh đến cơ sở; tiếp tục triển khai các đội hình thực hiện các công trình, phần việc của thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới; tổ chức đồng loạt “*Ngày Chủ nhật xanh*” tại các xã, phường, thị trấn trong Tháng Thanh niên; tổ chức các hoạt động tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh được các cấp bộ Đoàn triển khai các công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng đô thị văn minh: xây dựng cảnh quan môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp, an toàn; xóa các điểm đen ô nhiễm môi trường tại các khu đô thị; xây dựng các Tuyến đường kiểu mẫu “*Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - An toàn*”; Cột điện nở hoa, Con đường bích họa, biến điểm chôn rác thành vườn hoa. Tổ chức các hoạt động tình nguyện tham gia đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện thường xuyên, tạo dấu ấn xã hội tốt đẹp, được đoàn các cấp chủ động kết nối, vận động, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức các hoạt động an sinh xã hội, huy động đoàn viên, thanh niên, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia.

k) Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Các địa phương đã cơ bản kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ này được quan tâm. Đa số chính quyền cấp xã điều hành và giải quyết tốt nhiều vấn đề phát sinh ở nông thôn.

- Đã tổ chức xây dựng lực lượng dân quân xã theo quy định. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn các xã được giữ vững, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; tệ nạn xã hội cơ bản đã giảm.

l) Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.

Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình đã được các cấp xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện định kỳ, thường xuyên theo quy định. Xây dựng Kế hoạch truyền thông và thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông trong xây dựng nông thôn mới. Tỉnh đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới.

2.1.2. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022, 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ

giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022, 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương, với tổng dự toán **299.540** triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 239.180 triệu đồng, vốn sự nghiệp 60.360 triệu đồng⁽³³⁾*); đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất.

Đến ngày 20 tháng 02 năm 2023, giải ngân kế hoạch năm 2022 đạt **103.548** triệu đồng, đạt **64,23%** dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 đạt **7.105** triệu đồng, đạt **5,14%** dự toán Trung ương giao.

2.1.3. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Đến nay toàn tỉnh đã có 36 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, 06 xã đang làm thủ tục đánh giá, công nhận (*dự kiến sẽ đạt chuẩn qua rà soát sơ bộ*); 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 07 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và 19 thôn (*thuộc xã đặc biệt khó khăn, biên giới*) đạt chuẩn thôn nông thôn mới; chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và chưa có huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, chưa có thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Kết quả rà soát theo Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Đến tháng 12 năm 2022 toàn tỉnh đã có 42 xã cơ bản đạt chuẩn 19/19 tiêu chí (*trong đó có 36 xã đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới*), 10 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 32 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí, 01 xã đạt 07 tiêu chí (*không có xã đạt chuẩn dưới 07 tiêu chí*). Bình quân đạt 15,82 tiêu chí trên xã.

Dự kiến đến năm 2025, hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương, cụ thể: Toàn tỉnh có từ 60 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong các xã đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số xã đạt chuẩn 15 tiêu chí trở lên; các xã mỗi năm đạt thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên theo bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới; 100% xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã. Có 04 huyện và thành phố Kon Tum đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Có 50% số thôn (*làng*) vùng đồng bào dân tộc thiểu số được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí thôn nông thôn mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2.1.4. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề

⁽³³⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 161.210 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 135.050 triệu đồng, vốn sự nghiệp 26.160 triệu đồng*).

Dự toán năm 2023 đã giao là 138.330 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 104.130 triệu đồng, vốn sự nghiệp 34.200 triệu đồng*).

- Mặc dù giai đoạn 2021-2025 đã triển khai được hơn 02 năm (2021, 2022) tuy nhiên, đến cuối năm 2022 cơ bản hệ thống văn bản quy định về cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện Chương trình (*tại cấp Trung ương và cấp tỉnh*) mới cơ bản hoàn thiện, qua đó trong thời gian đầu triển khai thực hiện còn chưa đủ cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện đã phần nào ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình.

- Hệ thống văn bản quy định triển khai thực hiện Chương trình của Trung ương có một số văn bản quy định còn mang tính chung chung và dẫn chiếu thực hiện theo các văn bản khác, do đó rất khó áp dụng triển khai thực hiện (*đặc biệt là cấp xã rất khó khăn trong việc nghiên cứu và áp dụng văn bản để thực hiện*). Một số cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện của các bộ ngành Trung ương về triển khai thực hiện vẫn chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình (*như quy trình thực hiện, cơ chế hỗ trợ, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước, hướng dẫn thực hiện các nội dung Chương trình và tiêu chí nông thôn mới...*).

- Việc áp dụng đánh giá thực hiện theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gặp một số khó khăn, với nhiều chỉ tiêu đạt chuẩn tương đối cao và bổ sung thêm nhiều chỉ tiêu mới so với giai đoạn trước, nên cần phải có thời gian mới tổ chức thực hiện để đảm bảo đạt chuẩn (*trong năm 2022 chủ yếu tập trung công tác quy định mức đạt chuẩn tiêu chí áp dụng tại địa phương và ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện*), từ đó ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình. Hiện nay, sau khi rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có một số tiêu chí mặc dù mới đạt chuẩn trong năm 2021 nhưng không còn duy trì đạt chuẩn (*vì bộ tiêu chí mới có nhiều nội dung mới và mức độ đạt chuẩn cao hơn*).

- Về tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2022 cũng gặp nhiều khó khăn; mặc dù Trung ương đã phân bổ vốn từ tháng 6 năm 2022 và cấp tỉnh đã hoàn thành phân bổ vốn trong tháng 6; tuy nhiên, việc phân bổ chi tiết để triển khai thực hiện cần phải chờ quy định, hướng dẫn của Trung ương và địa phương (*như: Quy định quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình...*); do đó, trong năm 2022 không đảm bảo thực hiện và giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2022.

- Việc áp dụng quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính còn nhiều bất cập, dẫn đến khó thực hiện; có nội dung thực tế cần bố trí kinh phí để thực hiện nhưng Chương trình lại không quy định nội dung thực hiện, như: Việc quy định ngân sách Trung ương hỗ trợ cho hoạt động tổ chức, quảng bá, xúc tiến thương mại theo quy định tại Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (*trong khi Thông tư này là quy định về tổ chức hoạt động xúc tiến thương*

mại); quy định viện dẫn nội dung chi, mức chi theo các quy định khác, trong khi có văn bản khác đã hết hiệu lực; Chương trình không quy định hỗ trợ kiểm định chất lượng nước sạch, trong khi yêu cầu tiêu chí phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch...

- Đến nay trên địa bàn tỉnh có 01 huyện trắng xã nông thôn mới (*huyện Tu Mơ Rông*) và có 01 xã có số tiêu chí đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí, số xã có số tiêu chí đạt chuẩn từ 10 đến 14 tiêu chí còn khá cao (*31/85 xã*), đặc biệt hầu hết các xã đều chưa đạt chuẩn tiêu chí về thu nhập và nghèo đa chiều; do đó để phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025 toàn tỉnh không còn xã đạt chuẩn dưới 15 tiêu chí và huyện Tu Mơ Rông có từ 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới trở lên là rất khó khăn và phải cần có sự ưu tiên tập trung đầu tư, hỗ trợ của nhà nước, trong khi đó hầu hết những địa phương này là địa bàn xã đặc biệt khó khăn, nguồn vốn thực hiện chủ yếu là lồng ghép từ 02 chương trình mục tiêu quốc gia còn lại.

- Hầu hết các xã của tỉnh còn lại chưa đạt chuẩn xã nông thôn mới là những xã đặc biệt khó khăn, với gần 100% dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số, có điều kiện sinh hoạt và sản xuất rất khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập thấp; trong khi đó theo quy định sau khi đạt chuẩn nông thôn mới sẽ là xã khu vực I; đồng nghĩa với việc một số chính sách hỗ trợ đối với người dân sẽ bị cắt giảm ngay khi được công nhận mà không có lộ trình sẽ phần nào ảnh hưởng đến tâm lý người dân.

2.1.5. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện.

- Là những năm đầu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với nhiều tiêu chí, chỉ tiêu mới, mức đạt chuẩn cao nên trong một thời gian ngắn chưa thể thực hiện đạt tiêu chí và một số tiêu chí đã đạt chuẩn trước đây nhưng không đáp ứng được theo mức quy định mới.

- Trung ương phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 tại thời điểm tháng 6 năm 2022, trong khi quy trình phân bổ tại các cấp cần phải được thực hiện đảm bảo theo trình tự và do một số cơ chế chính sách quy định về sử dụng ngân sách nhà nước chưa được hoàn thiện nên khó khăn trong việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền, vận động có lúc, có nơi chưa có chiều sâu, phương thức, cách thức tuyên truyền chưa đa dạng, dẫn đến nhận thức của một số người dân chưa cao và phong trào chung tay xây dựng nông thôn mới chưa đạt hiệu quả cao.

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường

nguồn lực đầu tư cho chương trình (*chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương*) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân...

- Một số địa phương, nhất là cấp xã chưa thật sự vào cuộc một cách quyết liệt, chỉ đạo còn chung chung, chưa phát huy sức mạnh của tập thể, hệ thống chính trị để vận động Nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Một số tổ chức đoàn thể các cấp, các sở, ngành chuyên môn chưa có sự phối hợp tốt với địa phương trong việc giúp đỡ, hỗ trợ thực hiện theo nhiệm vụ được giao.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

2.2.1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020:

- *Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh*: Tổng số hộ nghèo là 9.072 hộ, chiếm tỷ lệ 6,32% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; tổng số hộ cận nghèo là 7.876 hộ và chiếm tỷ lệ 5,49% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh.

- *Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các huyện nghèo*:

(1) Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 1.591 hộ, chiếm tỷ lệ 23,38% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 365 hộ, chiếm tỷ lệ 5,23 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 769 hộ, chiếm tỷ lệ 10,18% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 407 hộ, chiếm tỷ lệ 5,39 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(3) Huyện Ia H' Drai: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 576 hộ, chiếm tỷ lệ 18,22% so với tổng số hộ dân toàn huyện; tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 675 hộ, chiếm tỷ lệ 21,35 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

b) Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025⁽³⁴⁾:

- *Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh*: Tổng số hộ nghèo là 15.943 hộ và chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; tổng số hộ cận nghèo là 8.857 hộ và tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 6,03% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh.

- *Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các huyện nghèo*:

(1) Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 432 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

⁽³⁴⁾ Theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 2.744 hộ, chiếm tỷ lệ 36,00% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 852 hộ, chiếm tỷ lệ 11,18 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

(3) Huyện Ia H' Drai: Tổng số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo: 711 hộ, chiếm tỷ lệ 20,64% so với tổng số hộ dân toàn huyện; Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 932 hộ, chiếm tỷ lệ 27,05 % so với tổng số hộ dân toàn huyện.

2.2.2. Kết quả triển khai các dự án thành phần thuộc Chương trình

a) Tiêu dự án 1, Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn: Kinh phí ngân sách trung ương năm 2022, 2023 phân bổ thực hiện Dự án là 330.163 triệu đồng⁽³⁵⁾ (năm 2022 là 196.583 triệu đồng, năm 2023 là 133.580 triệu đồng). Trong năm 2022 đã triển khai các bước hoàn tất thủ tục đầu tư, thực hiện khoảng trên 91 công trình nhằm phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ. Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện theo quy trình quy định. Năm 2023 các địa phương đã hoàn tất công tác giao vốn cho các công trình thuộc Dự án.

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 54.391 triệu đồng (năm 2022 là 15.456 triệu đồng; năm 2023 là 38.935 triệu đồng). Các huyện, thành phố đã hoàn tất công tác phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- *Tiêu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*: Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiêu dự án là 23.858 triệu đồng (năm 2022 là 6.686 triệu đồng; năm 2023 là 17.172 triệu đồng). Hiện nay, các đơn vị, địa phương đang nghiên cứu, triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁽³⁶⁾.

- *Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng*: Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2023 thực hiện Tiêu dự án là 7.171 triệu đồng. Trong năm 2022 đã bổ sung đa vi chất dinh dưỡng cho 2.367 trẻ dưới 5 tuổi; 22.837 bà mẹ có con dưới 5 tuổi và bà mẹ mang thai và 5.219 phụ nữ có thai; Thực hiện tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ trên 5 đến dưới 16 tuổi) với số trẻ được tư vấn dinh dưỡng là 879 trẻ.

d) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

⁽³⁵⁾ Vốn đầu tư phát triển: 312.445 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 17.708 triệu đồng.

⁽³⁶⁾ Về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- *Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:* Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 80.490 triệu đồng⁽³⁷⁾ (năm 2022 là 37.546 triệu đồng; năm 2023 là 42.944 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 32 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 662 học viên tham gia⁽³⁸⁾.

- *Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 3.005 triệu đồng (trong đó năm 2022 là 705 triệu đồng; năm 2023 là 2.300 triệu đồng). Các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện.

- *Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:* Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 12.714 triệu đồng³⁹ (năm 2022 là 3.267 triệu đồng; năm 2023 là 9.477 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức được 17 phiên giao dịch việc làm với 654⁽⁴⁰⁾ người lao động tham gia; các huyện, thành phố thực hiện nội dung thu thập, phân tích, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động trên địa bàn.

đ) Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2023 là 17.780 triệu đồng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn phối hợp các địa phương khẩn trương hoàn thiện, tham mưu trình phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định.

e) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- *Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 4.879 triệu đồng (năm 2022 là 389 triệu đồng; năm 2023 4.490 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở cho 35 cán bộ cấp xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽³⁷⁾ Vốn đầu tư phát triển: 38.193 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 42.297 triệu đồng.

⁽³⁸⁾ Trường Cao đẳng Cộng đồng: 3.213 triệu đồng; Thành phố Kon Tum: 677 triệu đồng; huyện Đăk Hà: 1.454 triệu đồng, đào tạo nghề lao động nông thôn đã thực hiện mở 10 lớp với 197 chỉ tiêu lao động (Trong đó lớp 09 lớp nông nghiệp với 162 học viên, 01 lớp phi nông nghiệp với 35 học viên); huyện Đăk Tô: 1.268 triệu đồng, mở 03 lớp đào tạo các nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp với 90 học viên; huyện Ngọc Hồi: 1.049 triệu đồng; huyện Tu Mơ Rông: 1.697 triệu đồng; huyện Đăk Glei: 1.257 triệu đồng; huyện Sa Thầy: 1.599 triệu đồng; huyện Kon Rẫy: 1.311 triệu đồng, mở 11 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với tổng số 375 học viên, trong đó nghề nông nghiệp: 08 lớp với 275 học viên, nghề phi nông nghiệp 03 lớp với 100 học viên; huyện Kon Plông: 1.657 triệu đồng, đào tạo nghề cho lao động 08 lớp nghề (06 lớp phi nông nghiệp; 02 lớp nông nghiệp); huyện Ia H'Drai: 611 triệu đồng.

⁽³⁹⁾ Vốn đầu tư phát triển: 4.217 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 8.497 triệu đồng.

⁽⁴⁰⁾ Huyện Kon Plông: 09 phiên; có 354 người tham gia. Huyện Tu Mơ Rông; 05 phiên; có 192 người tham gia. Huyện Ia H'Drai: 03 phiên có 108 người tham gia.

- *Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 2.675 triệu đồng (năm 2022 là 485 triệu đồng; năm 2023 là 2.190 triệu đồng). Trong năm 2022 đã xây dựng phóng sự và tin (tổng thời lượng: 7 phút 2 giây) tuyên truyền về công tác giảm nghèo; triển khai kế hoạch thay mới, sửa chữa, in căng bạt 13 cụm Pano tuyên truyền về giảm nghèo trên địa bàn 10 huyện thành phố; In 15 băng rôn nhân Tháng cao điểm vì người nghèo; triển khai kế hoạch in 6.200 tờ gấp tuyên truyền về Chương trình.

g) Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 8.056 triệu đồng (năm 2022 là 3.136 triệu đồng; năm 2023 là 4.920 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 05 lớp tập huấn triển khai Chương trình và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022, có 370 cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp tham gia tại cấp tỉnh; cấp huyện đã tổ chức 32 lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác giảm nghèo, có 1.031 lượt người tham gia.

- *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 4.295 triệu đồng (năm 2022 là 1.664 triệu đồng; năm 2023 là 2.631 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 01 đợt kiểm tra, giám sát cấp tỉnh tại 05 huyện⁽⁴¹⁾. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát tại các cấp và triển khai thực hiện theo quy định và tổ chức được 12 đợt kiểm tra, giám sát trên địa bàn các xã, phường, thị trấn⁽⁴²⁾.

2.2.3. Kết quả giải ngân vốn so với kế hoạch

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022, 2023 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022, 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương, với tổng dự toán 549.487 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 354.865 triệu đồng, vốn sự nghiệp 194.622 triệu đồng⁽⁴³⁾); đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phấn đấu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2023, giải ngân kế hoạch năm 2022 đạt 112.595,3 triệu đồng, đạt 42,3% dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 đạt 269 triệu đồng, đạt 0,1% dự toán Trung ương giao.

⁽⁴¹⁾ Huyện Ngọc Hồi, Kon Rẫy, Kon Plông, Ia H'drai và Tu Mơ Rông.

⁽⁴²⁾ Mỗi huyện, thành phố tổ chức 01 đợt, riêng huyện Đăk Hà và Sa Thầy tổ chức 02 đợt.

⁽⁴³⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 265.917 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 213.436 triệu đồng, vốn sự nghiệp 52.481 triệu đồng); Dự toán năm 2023 đã giao là 283.570 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 141.429 triệu đồng, vốn sự nghiệp 142.141 triệu đồng).

2.2.4. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

- Tổng số hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh đến cuối năm 2022 là 15.943 hộ, chiếm tỷ lệ 10,86% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Tổng số hộ thoát nghèo trong năm 2022 là 6.781 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 4,46% đạt 111,5% so với Kế hoạch đề ra (giảm ít nhất 4%/năm) ⁽⁴⁴⁾.

- Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 ở các huyện nghèo:

(1) Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo là 2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 742 hộ, tương ứng giảm 11,05%, đạt 138,13% .

(2) Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo là 2.744 hộ, chiếm tỷ lệ 36,00% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 662 hộ, tương ứng giảm 8,4%, đạt 105,05%.

(3) Huyện Ia H' Drai: Tổng số hộ nghèo là 711 hộ, chiếm tỷ lệ 20,64% so với tổng số hộ dân toàn huyện; số hộ thoát nghèo là 686 hộ, tương ứng giảm 20,09%, đạt 251,14%.

2.2.5. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương về triển khai Chương trình chưa kịp thời; Trung ương giao dự toán năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm dẫn đến khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Chương trình và ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao; tỷ lệ giải ngân vốn thực hiện Chương trình đạt thấp.

- Một số nội dung hướng dẫn triển khai mục tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội⁽⁴⁵⁾ chưa phù hợp với Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁽⁴⁶⁾ nên gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện⁽⁴⁷⁾.

- Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thực sự quyết liệt, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình; chưa có các giải pháp để

⁽⁴⁴⁾ Tại Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽⁴⁵⁾ Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

⁽⁴⁶⁾ Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

⁽⁴⁷⁾ Cụ thể: Chưa quy định rõ đối tượng, nội dung thanh toán kinh phí xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình; Tại khoản b Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định về việc hướng dẫn mua sắm phương tiện, thiết bị đào tạo được thực hiện theo Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Hiện nay, ngoài việc mua sắm trang bị thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp là rất cần thiết, thì nhu cầu mua sắm các phương tiện đào tạo dùng chung cho các cơ sở GDNH hiện nay là rất lớn (các hạng mục dùng chung như: Bàn, ghế, máy tính; máy chiếu; các phương tiện khác...), nhưng các thông tư hiện nay chưa hướng dẫn nội dung này.

huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho Chương trình như huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Một số hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số còn có phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu, chưa có điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, việc tiếp thu kiến thức tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất còn hạn chế; chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất, kinh doanh, chưa tự ý thức vươn lên thoát nghèo.

2.2.6. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện, cũng như có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện từ Trung ương đến cơ sở gặp khó khăn.

- Trung ương phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 tại thời điểm tháng 6 năm 2022, trong khi quy trình phân bổ tại các cấp cần phải được thực hiện đảm bảo theo trình tự và do một số cơ chế chính sách quy định về sử dụng ngân sách nhà nước chưa được hoàn thiện nên khó khăn trong việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn.

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình (*chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương*) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân...

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; việc giải quyết những bất cập, khó khăn ở địa phương có nội dung có lúc chưa kịp thời.

2.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.3.1. Về thực hiện phân định địa bàn, đối tượng, phạm vi thực hiện

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 92 xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*xã khu vực I, II, III*), trong đó có 52 xã đặc biệt khó khăn và có 371 thôn đặc biệt khó khăn thuộc

phạm vi thực hiện Chương trình, với các đối tượng thụ hưởng Chương trình gồm hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,.. hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2.3.2. Kết quả thực hiện của các dự án, tiểu dự án

a) Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Kinh phí ngân sách trung ương năm 2022 và năm 2023 phân bổ thực hiện Dự án là 94.623 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 66.547 triệu đồng; vốn sự nghiệp 28.076 triệu đồng*). Từ nguồn vốn tín dụng 134.600 triệu đồng đã triển khai cho 1.565 hộ thuộc đối tượng thụ hưởng Chương trình được vay vốn nhằm giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, trong đó: vay hỗ trợ đất ở 69 hộ; hỗ trợ nhà ở 1.205 hộ; hỗ trợ đất sản xuất 85 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 206 hộ; với số vốn đã giải ngân 70.839 triệu đồng. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đang tổ chức rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng (*theo tứ tự ưu tiên*) để xây dựng phương án, kế hoạch triển khai hỗ trợ theo quy định trên cơ sở nguồn vốn được giao. Tính đến đầu năm 2023 chưa có quy định cụ thể về định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất nên địa phương chưa có cơ sở thực hiện, giải ngân nguồn vốn mà tập trung nguồn lực để thực hiện nội dung hỗ trợ sửa chữa, đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn các huyện, thành phố với 18 công trình.

b) Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn đầu tư phát triển*) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 163.316 triệu đồng (*năm 2022 là 69.777 triệu đồng; năm 2023 là 93.539 triệu đồng*). Đến nay, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đang khẩn trương đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục lập, phê duyệt và xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện cho 08 dự án trên địa bàn toàn tỉnh, với mục tiêu hỗ trợ cho 80 hộ dân.

c) Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- *Tiểu dự án 1. Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*: Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn sự nghiệp*) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 197.945 triệu đồng (*năm 2022 là 57.174 triệu đồng; năm 2023 là 140.771 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã thực hiện giao khoán bảo vệ rừng với diện tích 44.819 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng với diện tích 5.642 ha và hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ bình quân với diện tích 1.249 ha.

- *Tiểu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm

2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án 2 là 88.965 triệu đồng⁽⁴⁸⁾ (*vốn đầu tư phát triển là 14.966 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 73.999 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã tổ chức 01 Hội chợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với quy mô 24 gian hàng của các doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ chức 01 diễn đàn về kỹ năng thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với 71 đại biểu tham gia; tổ chức 04 lớp tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với sự tham gia của trên 200 đại biểu.

d) Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

- *Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 360.576 triệu đồng⁽⁴⁹⁾ (*vốn đầu tư phát triển là 336.469 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 24.107 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã triển khai thực hiện với khoảng trên 160 công trình đầu tư cải tạo, xây dựng công trình giao thông, công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất; nâng cấp, sửa chữa các điểm trường mầm non, tiểu học, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ... nhằm đáp ứng nhu cầu người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt.

đ) Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số*: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 167.482 triệu đồng⁽⁵⁰⁾ (*vốn đầu tư phát triển là 111.910 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 55.572 triệu đồng*). Với kinh phí được phân bổ đã tập trung bổ sung trang thiết bị dạy học, đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú trên địa bàn toàn tỉnh, với khoảng trên 25 công trình được triển khai thực hiện, trong đó có một số dự án đang hoàn tất thủ tục đầu tư. Nhìn chung, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các trường dần được hoàn thiện, nâng cấp góp phần đáp ứng yêu cầu đặt ra của Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018.

- *Tiểu dự án 2. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số*: Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn sự nghiệp*) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 44.149 triệu đồng (*năm 2022 là 3.627 triệu đồng; năm 2023 là 40.522 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã tổ chức cho 03 lớp bồi dưỡng

⁽⁴⁸⁾ Dự toán năm 2022: 26.188 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 62.777 triệu đồng.

⁽⁴⁹⁾ Dự toán năm 2022: 150.288 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 210.288 triệu đồng.

⁽⁵⁰⁾ Dự toán năm 2022: 62.864 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 104.168 triệu đồng.

kiến thức dân tộc thuộc đối tượng 3 là cán bộ, công chức, viên chức huyện, xã với 152 người tham gia và 03 lớp thuộc đối tượng 4 cho người hoạt động không chuyên trách tại thôn với 118 người tham gia

- *Tiểu dự án 3. Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 59.675 triệu đồng (năm 2022 là 16.162 triệu đồng; năm 2023 là 43.513 triệu đồng). Hiện nay, các sở, ngành, địa phương đang triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

- *Tiểu dự án 4. Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ thực hiện Tiểu dự án là 15.276 triệu đồng (năm 2022 là 3.780 triệu đồng; năm 2023 là 11.496 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 01 đợt học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình với sự tham gia của 37 đại biểu; tổ chức 01 Hội thảo chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong tỉnh với sự tham gia của 52 đại biểu. Trên địa bàn tỉnh, các đơn vị, địa phương đã tổ chức 16 lớp tập huấn⁽⁵¹⁾, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của 1.109 đại biểu với các chuyên đề theo đặc thù của địa phương đã bước góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh nói chung và nhất là nguồn nhân lực trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

e) Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 41.508 triệu đồng⁽⁵²⁾ (vốn đầu tư phát triển là 31.190 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 10.318 triệu đồng). Trong năm 2022 đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo tiêu chí, nội dung của Dự án và đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể: Thực hiện khôi phục bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc Rơ Măm; bảo tồn, phát huy lễ hội ăn than của dân tộc Giẻ Triêng, làng Đăk Ga, xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei; Thực hiện chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn nhạc cụ truyền thống của dân tộc Mơ Nâm, xã Măng Cành, huyện Kon Plông; Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao truyền thống, trang thiết bị tại các thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đã xây dựng 01 câu lạc bộ văn hóa dân gian tại làng Ba Khen, xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông; hỗ trợ hoạt động cho các đội văn nghệ truyền thống tại các thôn, làng; đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thôn thôn; đầu tư chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt Ngục Đăk Glei; thực hiện các nhiệm vụ cho đầu tư phát triển du lịch (các hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng các điểm du lịch tiêu biểu tại Làng Brăp Ju, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, làng Kon Bring, huyện Kon Plông);....

⁽⁵¹⁾ Ban Dân tộc tổ chức 8 lớp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức 8 lớp.

⁽⁵²⁾ Dự toán năm 2022: 16.136 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 23.572 triệu đồng.

g) Dự án 7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 23.134 triệu đồng⁽⁵³⁾ (*vốn đầu tư phát triển là 12.632 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 10.502 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã triển khai 262 điểm tiêm chủng ngoài trạm trong tiêm chủng thường xuyên; tổ chức 02 lớp tập huấn cho 132 người là viên chức y tế tại các trạm, trung tâm Y tế và bệnh viện trực tiếp quản lý; 01 lớp tập huấn cho 36 đối tượng là cộng tác viên dân số thôn, làng tại các xã thuộc khu vực III; hỗ trợ cho 46 đối tượng là phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; 55 thai phụ được sàng lọc chẩn đoán điều trị trước sinh; 196 đối tượng được sàng lọc chẩn đoán sơ sinh; cấp phát miễn phí phương tiện tránh thai theo hướng thuận tiện và đáp ứng nhu cầu của người dân. Thực hiện kịp thời trong công tác giám sát hỗ trợ hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn một số huyện, thành phố; Công tác truyền thông giáo dục dinh dưỡng được thực hiện thường xuyên như: hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề; tổ chức các buổi tư vấn, lồng ghép trong các đợt cân trẻ, uống bổ sung vitamin A, khám thai và tiêm chủng; tập huấn...

h) Dự án 8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Kinh phí ngân sách trung ương (*vốn sự nghiệp*) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Dự án là 23.565 triệu đồng (*năm 2022 là 6.382 triệu đồng; năm 2023 là 17.183 triệu đồng*). Trong năm 2022 tổ chức Hội nghị, tập huấn triển khai Dự án 8 cho 50 đại biểu; 03 lớp tập huấn hướng dẫn triển khai Chương trình nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cho 150 cán bộ Hội; 10 lớp tập huấn triển khai mô hình Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi tại 10 huyện, thành phố cho gần 600 đại biểu và tổ chức kiểm tra hoạt động dự án 8 tại 05 huyện, thành phố. Đồng thời thành lập được 111 tổ truyền thông trong cộng đồng, tiến hành các chiến dịch truyền thông được 300 buổi tại các thôn; Tổ chức mở 30 lớp tập huấn về kỹ năng điều hành cho nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng.

i) Dự án 9. Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- *Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*: Kinh phí ngân sách trung ương năm 2022, 2023 phân bổ thực hiện Tiểu dự án là 6.595 triệu đồng⁽⁵⁴⁾ (*vốn đầu tư phát triển là 4.291 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 2.304 triệu đồng*). Trong năm 2022 đã tổ chức 02 Hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi cho 80 hộ gia đình; Hỗ trợ giống bò sinh sản cho 29 hộ nghèo dân tộc Rơ Măm.

- *Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Kinh phí ngân sách trung

⁽⁵³⁾ Dự toán năm 2022: 8.187 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 14.947 triệu đồng.

⁽⁵⁴⁾ Dự toán năm 2022: 2.409 triệu đồng; Dự toán năm 2023: 4.186 triệu đồng.

ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 5.663 triệu đồng (năm 2022 là 1.403 triệu đồng; năm 2023 là 4.260 triệu đồng). Trong năm 2022 đã tổ chức 04 Hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân, tảo hôn - hôn nhân cận huyết thống; cấp 620 USB có file âm thanh và 200 bảng tuyên truyền; Tổ chức 21 Hội nghị tuyên truyền phòng chống tảo hôn cho Nhân dân trên địa bàn các xã, xây dựng 6 Pa nô, 2.100 tờ rơi, gần 100 băng rôn, áp phích; Tổ chức 02 tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động...; Tổ chức 01 đợt kiểm tra tại một số xã trên địa bàn 10 huyện, thành phố về tình hình tảo hôn - hôn nhân cận huyết thống.

h) Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- *Tiểu dự án 1. Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và chương trình mục tiêu quốc gia: Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 11.760 triệu đồng (năm 2022 là 2.383 triệu đồng; năm 2023 là 9.377 triệu đồng). Trong năm 2022 đã thực hiện cấp 35.934 tờ Báo Dân tộc và Phát triển; 6.048 tờ Báo Kon Tum cho người có uy tín; tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ vật chất động viên tinh thần cho khoảng 1.135 lượt người có uy tín⁽⁵⁵⁾; Tổ chức 01 Hội nghị "Biểu dương, tôn vinh người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum" năm 2022 với 100 người tham gia; Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện 01 phóng sự tuyên truyền về các điển hình tiên tiến phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người uy tín trên đài phát thanh truyền hình tỉnh và tổ chức 5 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín với 310 người tham gia và tổ chức 01 đợt đưa đoàn người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm với 25 người tham gia học tập kinh nghiệm; tổ chức 5 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác dân tộc, huyện, xã, cán bộ thôn, các tuyên truyền viên cấp huyện, xã, thôn; Tổ chức 02 hội thi tìm hiểu chính sách pháp luật cho học sinh dân tộc thiểu số và xây dựng 03 phóng sự phát trên đài phát thanh truyền hình tỉnh; Biên soạn, phát hành 5.000 tờ rơi, 140 áp phích (Bảng tuyên truyền). Tổ chức 06 Hội nghị tuyên truyền cho Nhân dân trên địa bàn các xã*

- *Tiểu dự án 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kinh phí ngân sách trung ương phân bổ năm 2022, 2023 thực hiện Tiểu dự án là 14.452 triệu đồng⁽⁵⁶⁾ (năm 2022 là 5.019 triệu đồng; năm 2023 là 9.433 triệu đồng). Đến nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có hướng dẫn thực hiện nên địa phương không có đầy đủ cơ sở triển khai thực hiện.*

⁽⁵⁵⁾ Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán, tết của DTTS; Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau; Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn; Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời.

⁽⁵⁶⁾ Vốn đầu tư phát triển: 12.200 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.252 triệu đồng.

- *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình:* Kinh phí ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) phân bổ thực hiện Tiểu dự án là 3.693 triệu đồng (năm 2022 là 832 triệu đồng; năm 2023 là 2.861 triệu đồng). Năm 2022 đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành cấp tỉnh tổ chức kiểm tra tại 8 xã và làm việc với 04 huyện, thành phố. Các đơn vị, địa phương trên cơ sở nguồn kinh phí được giao năm 2022, chủ động lồng ghép nội dung kiểm tra cùng với các chương trình, chính sách và các nhiệm vụ chuyên môn khác của sở, ban, ngành, đơn vị và xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định.

2.3.3. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn so với kế hoạch

Căn cứ dự toán ngân sách Trung ương năm 2022, 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phân bổ, giao dự toán ngân sách trung ương và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022, 2023 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện chương trình đảm bảo theo yêu cầu, tiến độ của trung ương, với tổng dự toán 1.292.507 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 753.521 triệu đồng, vốn sự nghiệp 538.986 triệu đồng⁽⁵⁷⁾); đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các thủ tục giao vốn, phê duyệt dự án, dự toán chi tiết và xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, phân đầu thực hiện giải ngân kế hoạch vốn với tỷ lệ cao nhất. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2023, giải ngân kế hoạch năm 2022 đạt 239.983,4 triệu đồng, đạt 50,92% dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 đạt 32.212,7 triệu đồng, đạt 3,92% dự toán Trung ương giao.

2.3.4. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của chương trình: Đến thời điểm báo cáo, các nhiệm vụ về Chương trình chủ yếu trong quá trình hoàn thiện các cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện. Do các hoạt động, nội dung đầu tư, hỗ trợ của Chương trình đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai nên chưa có những đánh giá kết quả cụ thể gắn với mục tiêu thực hiện.

2.3.5. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề

- Tỉnh đã thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách năm 2022, 2023 cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo theo tiến độ yêu cầu, tuy nhiên, hệ thống văn bản quy định về cơ chế chính sách và hướng dẫn thực hiện Chương trình của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo nên phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn Chương trình trong thời gian vừa qua; công tác rà soát, xác định và xây dựng mục tiêu, nội dung thực hiện Chương trình đối với một số Tiểu dự án, dự án còn khó khăn.

⁽⁵⁷⁾ Dự toán năm 2022 đã giao là 471.305 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 323.925 triệu đồng, vốn sự nghiệp 147.380 triệu đồng); Dự toán năm 2023 đã giao là 821.202 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 429.596 triệu đồng, vốn sự nghiệp 391.606 triệu đồng).

- Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia chậm so với thời điểm giao kế hoạch trung hạn 2021-2025, dự toán năm 2022 gây khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các chương trình, cũng như trong việc tổng hợp nhu cầu từ các cấp trực thuộc để xác định danh mục dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền. Một số nội dung dự án hỗ trợ sản xuất hết thời vụ, triển khai các dự án đầu tư vào mùa mưa bão gặp khó khăn, nên khả năng giải quyết ngân kế hoạch vốn gặp khó khăn.

- Một số nội dung của chính sách còn thiếu đồng bộ, chưa có định mức hỗ trợ cụ thể, chưa rõ ràng đối với các đối tượng thụ hưởng gây khó khăn cho đơn vị trong cách hiểu, áp dụng triển khai thực hiện. Một số bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện chính sách chưa được hướng dẫn, giải quyết, tháo gỡ kịp thời, hướng dẫn chưa cụ thể, chi tiết gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện ở địa phương...

- Một số nội dung quy định, hướng dẫn tại một số văn bản cho các bộ, cơ quan trung ương ban hành còn có sự chưa thống nhất, trong đó: Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng do Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 chưa thống nhất với Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc chưa quy định cho đối tượng đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 5 theo đúng quy định tại điểm b khoản 5 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Một số dự án (Tiểu Dự án 1, Dự án 3; Tiểu Dự án 3, Dự án 5) được phân bổ dự toán lớn so với nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ chi theo đối tượng, nội dung thực tế, do đó việc đảm bảo hoàn thành giải ngân kinh phí được giao không khả thi.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện chương trình và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; phối hợp để phát hiện và rà soát, sửa đổi bổ sung những bất cập, hạn chế, khó khăn, tồn tại ở địa phương có nội dung có lúc chưa kịp thời.

2.3.6. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế và trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Nguyên nhân khách quan

- Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện, cũng như có nhiều quy định, chính sách mới nên việc tiếp cận, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện từ Trung ương đến cơ sở gặp khó khăn.

- Trung ương phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 tại thời điểm tháng 6 năm 2022, trong khi quy trình phân bổ tại các cấp cần phải được thực hiện đảm bảo theo trình tự và do một số cơ chế chính sách quy định về sử dụng ngân sách nhà nước chưa được hoàn thiện nên khó khăn trong việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn.

- Chương trình có nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần; nhiều ngành quản lý; địa bàn, đối tượng rộng; chính sách cơ chế thực hiện khác nhau.

- Do đặc thù của Chương trình triển khai ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hầu hết là ở các xã vùng III và thôn đặc biệt khó khăn nên việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân khác là khó khăn; sự đóng góp của người dân, cộng đồng dân cư để thực hiện các dự án, tiểu dự án là rất hạn chế, khó thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho chương trình mà chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; việc giải quyết những bất cập, khó khăn ở địa phương có nội dung có lúc chưa kịp thời.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đã sớm hoàn thành việc thành lập Ban Chỉ đạo các cấp, xây dựng chương trình công tác, các kế hoạch triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, từ đó tạo sự nhất quán, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Kịp thời ban hành các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình theo quy định. Qua đó đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình trên địa bàn tỉnh, thể hiện ở các mặt:

- Việc triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của Trung ương và cụ thể hóa thành các quy định, hướng dẫn của địa phương được thực hiện một cách chủ động, tập trung, đến nay tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời các văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh, huyện và 03 Tổ công tác của 03 chương trình MTQG được sớm thành lập, đã ban hành quy chế hoạt động, chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thành viên một cách cụ thể; Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện được tiếp tục duy trì; ở cấp xã, các địa phương đã triển khai công tác kiện toàn, thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát

của cộng đồng xã, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình. Qua đó thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo các chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng mục tiêu đã được phê duyệt. Công tác phối hợp giữa cơ quan tổng hợp, cơ quan quản lý và cơ quan thực hiện chương trình MTQG, giữa các sở, ngành và địa phương, giữa các thành viên Ban Chỉ đạo các cấp được triển khai có bài bản, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của địa phương, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện chương trình. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình MTQG các cấp được tăng cường.

- Việc lồng ghép về chỉ đạo, điều hành; đối tượng; nguồn lực; xác định địa bàn, đối tượng thực hiện các chương trình: Đã sớm ban hành các Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025; Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025; việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG được cụ thể hóa thành các kế hoạch hàng năm, 05 năm giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, kế hoạch chuyên đề về thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng, các phong trào thi đua,...

- Cơ chế đặc thù trong việc triển khai các chương trình MTQG được ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời, đã ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình giai đoạn 2021-2025, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù, các cơ quan chuyên môn đã ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình 09 loại công trình áp dụng cơ chế đặc thù; ban hành Quy định về thanh quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nghị quyết về tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025; hiện đang hoàn thiện các Quy định về chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, Quy định về quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù.

- Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng triển khai thực hiện, được cụ thể hóa thành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện từng chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; kịp thời đánh giá, báo cáo cơ quan tình hình triển khai thực hiện các chương trình theo quy định, yêu cầu; kịp thời rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán của cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

3.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo, gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình tại địa phương. Bên cạnh đó, Trung ương yêu cầu các địa phương khẩn trương hoàn

thiện các quy định liên quan đến các chương trình, một số quy định hoàn thiện và ban hành trong thời gian ngắn dẫn đến thiếu chặt chẽ, đầy đủ phải điều chỉnh, bổ sung khi cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới.

- Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia chậm so với thời điểm giao kế hoạch, dự toán hằng năm gây nhiều khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các chương trình; gây khó khăn trong công tác tổng hợp nhu cầu từ cấp trực thuộc để xác định danh mục dự án đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Theo quy định, địa phương ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình giai đoạn 05 năm (2021-2025) trong đó phải làm rõ khả năng huy động vốn thực hiện, gồm: Vốn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương), vốn tín dụng, vốn huy động khác. Bên cạnh đó, theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương từng chương trình, địa phương phải cân đối, bố trí vốn đối ứng trên cơ sở vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương hằng năm và giai đoạn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, địa phương mới được trung ương giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, mục tiêu giai đoạn 2021-2025, chưa được giao kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025. Do vậy, địa phương gặp khó khăn trong thực hiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

- Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, việc lập kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, công trình, dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia hầu hết là công trình có quy mô nhỏ, được phân cấp về cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện, việc quy định phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và giao kế hoạch dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và giảm sự linh động trong triển khai thực hiện, không đáp ứng nguyên tắc “đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

- Điều kiện địa hình khu vực nông thôn của tỉnh không thuận lợi, xuất phát điểm thấp do đó nhu cầu nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, thực hiện các mục tiêu giảm nghèo và các chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số là rất lớn, tuy nhiên việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách đầu tư trong thời gian qua còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn còn thấp so với yêu cầu, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp do nhiều nội dung, nhiệm vụ các đơn vị, địa phương chậm triển khai thực hiện hoặc chưa thể triển khai thực hiện do thiếu quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì chương trình và các địa phương có lúc chưa được chặt chẽ, đồng bộ; đặc biệt, trong công tác hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia của các cơ quan chủ trì chương trình; một số ít địa phương (cấp huyện, cấp xã) chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của chương trình mục tiêu quốc gia, thiếu sự chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; các đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến báo cáo và đề xuất những tồn tại trong việc thực hiện nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; tổng hợp báo cáo chưa đầy đủ theo đề cương, biểu mẫu hướng dẫn, báo cáo còn thiếu thông tin, thiếu nguồn vốn, dẫn đến khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh.

3.3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai các chương trình MTQG

Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh Kon Tum đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các chương trình; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc nắm bắt tình hình, tiến độ thực hiện, những vướng mắc, khó khăn và kịp thời chỉ đạo tháo gỡ, đề xuất giải pháp xử lý.

Các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới kết quả thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương tập trung vào các nhóm vấn đề:

3.3.1. Nhóm khó khăn liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện

- Tiến độ xây dựng, ban hành thể chế, chính sách quản lý, tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của bộ, ngành Trung ương chưa đảm bảo, gây khó khăn và ảnh hưởng đến việc triển khai các khâu phân bổ, giao kế hoạch thực hiện, giải ngân vốn các chương trình tại địa phương (*đến tháng 8 năm 2022 Bộ Tài chính mới hoàn thành đầy đủ các thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của 03 chương trình; đến thời điểm hiện tại vẫn còn 03 cơ quan Trung ương chưa ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*). Bên cạnh đó, Trung ương yêu cầu các địa phương khẩn trương hoàn thiện các quy định liên quan đến các chương trình mục tiêu quốc gia, một số quy định hoàn thiện và ban hành trong thời gian ngắn dẫn đến chưa được chặt chẽ và đầy đủ nên phải điều chỉnh, bổ sung khi cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn mới.

- Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia chậm so với thời điểm giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025, dự toán năm 2022 gây nhiều khó khăn cho địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các chương trình; gây khó khăn trong công tác tổng hợp nhu cầu từ cấp trực thuộc để xác định danh mục dự án đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

3.3.2. Nhóm nội dung liên quan đến thể chế, chính sách

a) Về Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ

- Về công tác xây dựng kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP

Theo quy định, địa phương ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình giai đoạn 05 năm (2021-2025) trong đó phải làm rõ khả năng huy động vốn thực hiện, gồm: Vốn ngân sách nhà nước (*ngân sách trung ương, ngân sách địa phương*), vốn tín dụng, vốn huy động khác. Bên cạnh đó, theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương từng chương trình, địa phương phải cân đối, bố trí vốn đối ứng trên cơ sở vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương hằng năm và giai đoạn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, địa phương mới được trung ương giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, mục tiêu giai đoạn 2021-2025, chưa được giao kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025. Do vậy, địa phương gặp khó khăn trong thực hiện quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

- Về công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, việc lập kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, công trình, dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia hầu hết là công trình có quy mô nhỏ, được phân cấp về cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện, việc quy định phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và giao kế hoạch dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và giảm sự linh động trong triển khai thực hiện, không đáp ứng nguyên tắc “*đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*” theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

- Về thực hiện nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia và giữa chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác tại địa phương:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về lồng ghép nguồn vốn của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chương trình nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Trung ương giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi địa phương đã xây dựng kế hoạch đầu tư công trung

hạn giai đoạn 2021-2025 nên gặp rất nhiều khó khăn trong cân đối nguồn để thực hiện đối ứng, lồng ghép thực hiện các chương trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các chương trình.

- Về thực hiện cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp:

+ Về thực hiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: Việc quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương đối với danh mục dự án đặc thù làm phát sinh thủ tục hành chính, làm chậm tiến độ ban hành danh mục dự án đặc thù của địa phương, không phù hợp với nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định.

+ Về thực hiện quy định tại điểm d khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: Bộ Xây dựng chưa hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 19 và điều 38 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, do đó địa phương chưa có cơ sở cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nội dung này.

- Về thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia: Kế hoạch, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đều có thời gian thực hiện từ 2-3 năm, trong khi việc giao dự toán ngân sách nhà nước (*kinh phí sự nghiệp*) theo hằng năm. Do đó địa phương gặp khó khăn trong xác định nguồn vốn để xây dựng kế hoạch, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

b) Khó khăn vướng mắc trong áp dụng các quy định quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia

- Trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn đầy đủ hoặc nội dung hướng dẫn chưa thống nhất giữa các văn bản do bộ, cơ quan trung ương ban hành gây khó khăn, chưa thể giải ngân được dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cụ thể:

+ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc được ban hành để hướng dẫn triển khai thực hiện một số dự án, tiểu dự án của Chương trình. Tuy nhiên, nội dung Thông tư không quy định cụ thể về một số nội dung: (i) Định mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1; (ii) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3 và 4 thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 5; Khung chương trình đào tạo, Bộ tài liệu đào tạo và vận hành bộ học liệu điện tử để bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc Tiểu dự án 4 Dự án 5; (iii) Tiêu chí lựa chọn các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có

khó khăn đặc thù thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 9; (iv) Nguyên tắc lựa chọn ưu tiên thực hiện đầu tư trong trường hợp có sự trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu thuộc Nội dung số 01 Tiểu dự án 1 Dự án 4 và thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 9.

+ Chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung “*Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*” thuộc Tiểu dự án Dự án 10.

+ Chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức chi tiêu một số nội dung, hoạt động trong các kế hoạch, hướng dẫn thực hiện Dự án 8.

+ Chưa có quy định thực hiện việc ủy thác nguồn kinh phí sự nghiệp được giao để hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế cho các hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc Nội dung 2 Tiểu dự án 1 Dự án 9.

+ Chưa có hướng dẫn về cơ chế hỗ trợ, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư thực hiện một số chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thuộc Dự án 1.

+ Một số nội dung quy định, hướng dẫn tại một số văn bản cho các bộ, cơ quan trung ương ban hành còn có sự chưa thống nhất, trong đó:

Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng do Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 chưa thống nhất với Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính.

Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc chưa quy định cho đối tượng đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 5 theo đúng quy định tại điểm b khoản 5 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Chưa có hướng dẫn triển khai việc xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ “*khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh*” tạo việc làm, sinh kế bền vững thuộc Dự án 2; tiêu chí xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp để triển khai thực hiện các nội dung đào tạo nghề thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4.

Chưa có hướng dẫn về định mức chi trong thực hiện các hoạt động “*thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu về người lao động*” và “*thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu*” thuộc Tiểu dự án 3 Dự án 4 theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Một số nội dung triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, các chương trình chuyên đề chưa được triển khai thực hiện do chưa có văn bản hướng dẫn từ các cơ quan trung ương, cụ thể:

Chưa có hướng dẫn về triển khai ứng dụng khám chữa bệnh từ xa. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới thực hiện tiêu chí 14.3 thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Chưa có hướng dẫn về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đảng bộ, chính quyền huyện. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới thực hiện tiêu chí 9.1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Chưa có hướng dẫn nội dung, trình tự, định mức phân bổ vốn thực hiện các Chương trình chuyên đề thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị khác

Hiện nay một số xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh mặc dù đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới song vẫn còn gặp nhiều khó khăn, không có khả năng tự huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, vẫn cần nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để duy trì kết quả đã đạt được. Do vậy, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép không áp dụng quy định tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng xã khu vực II, khu vực III sau khi các xã này đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Bài học kinh nghiệm

- Để nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các chương trình MTQG ở địa phương, các cấp ủy chính quyền địa phương phải quan tâm, chỉ đạo, điều hành thống nhất, tập trung, quyết liệt. Ngoài ra, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự vào cuộc của các cấp, các ngành là nhân tố quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu của chương trình. Công tác quản lý nhà nước trong điều hành và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các sở, ngành cần được tăng cường và cụ thể để đảm bảo lồng ghép chính sách và nguồn lực, huy động và phát huy cao nhất của các cấp, các ngành.

- Khuyến khích tăng cường phân cấp theo quy định, giao quyền tự chủ cho cấp xã trong quản lý các dự án thuộc chương trình MTQG. Phân cấp quản lý phải phù hợp với ý thức và trình độ cán bộ địa phương.

- Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá cần tiếp tục được chú trọng và tăng cường. Đây phải được coi là hoạt động thường xuyên và phải có phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho từng cơ quan, ban ngành và từng cấp. Đồng thời, rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý các chương trình MTQG nhằm nâng cao sự minh bạch và dễ tiếp cận các chương trình; giúp người dân cũng như các cấp chính quyền địa phương có thể hiểu rõ ràng về chương trình

và các mục tiêu đề ra để nâng cao công tác kiểm tra, giám sát cộng đồng việc thực hiện chương trình.

- Vai trò của cán bộ trực tiếp thực hiện chương trình là một trong những nhân tố quyết định tới sự thành công của chương trình MTQG. Vì vậy, cần có giải pháp, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm chương trình, đặc biệt ưu tiên cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, thôn. Việc đào tạo cần tập trung vào các kỹ năng lập kế hoạch, lập dự án, thẩm định dự án, quản lý tài chính, các kỹ năng về mua sắm đấu thầu và giám sát việc triển khai thực hiện các dự án.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng nguồn lực của chương trình. Người dân và cộng đồng tham gia vào quá trình xác định nhu cầu, đối tượng thụ hưởng, lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Tiếp tục phát huy nỗ lực vươn lên, khuyến khích sự chủ động tham gia của người dân cùng với việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng và phân bổ nguồn lực, thực thi các chính sách, các dự án.

Phần 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Giải pháp trọng tâm

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, cuộc vận động về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Phần đầu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện các chương trình năm 2023; chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án, phê duyệt dự toán chi tiết, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn năm 2022, 2023 đã được bố trí, sử dụng vốn hiệu quả, tập trung.

- Rà soát, cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định, huy động hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các chương trình thông qua hoạt động chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp xử lý.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể các cấp, vai trò chủ thể của người dân trong giám sát, phản biện, triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đề xuất, kiến nghị

Một số nội dung đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của địa phương như sau:

- Sớm giao/thông báo dự kiến kế hoạch vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 để địa phương có cơ sở hoàn thiện kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 cũng như rà soát, cân đối nguồn lực của địa phương để đối ứng, lồng ghép thực hiện theo quy định.

- Trung ương giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi tỉnh, huyện đã xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nên gặp rất nhiều khó khăn trong cân đối nguồn lực đối ứng thực hiện các chương trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các chương trình. Do đó đề xuất có cơ chế phù hợp đối với các địa phương không thể cân đối đủ nguồn lực đối ứng thực hiện các chương trình.

- Xem xét, thống nhất chủ trương cho phép địa phương được phép điều chuyển nguồn vốn sự nghiệp giữa các Dự án thuộc các chương trình phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, việc lập kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, công trình, dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia hầu hết là công trình có quy mô nhỏ, được phân cấp về cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện. Do vậy, để đảm bảo rút ngắn quá trình phân bổ, giao kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, kiến nghị Trung ương nghiên cứu có quy định mang tính đặc thù trong công tác lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện các dự án này, trong đó, cho phép cấp tỉnh được phân bổ, giao kế hoạch vốn theo tổng số vốn chương trình, cơ cấu đầu tư, sự nghiệp và chi tiết đến dự án thành phần cho các cấp trực thuộc theo chương trình, giao cấp huyện, cấp xã (*theo phân cấp*) quyết định công trình, dự án.

- Hiện nay một số xã thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh mặc dù đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới song vẫn còn gặp nhiều khó khăn, không có khả năng tự huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, vẫn cần nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để duy trì kết quả đã đạt được. Do vậy, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép không áp dụng quy định tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6

năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng xã khu vực II, khu vực III sau khi các xã này đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Có hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đối với các thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc) thuộc các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021.

- Hiện nay nhiều nội dung, hoạt động địa phương không thể triển khai thực hiện được do chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể của các cơ quan Trung ương, đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo bộ, ngành Trung ương sớm hoàn thành việc ban hành văn bản, trình ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các chương trình, cụ thể:

+ Hướng dẫn việc lồng ghép vốn của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững để phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

+ Quy định mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1; hướng dẫn xác định danh sách các thôn có dân tộc khó khăn đặc thù, hướng dẫn nội dung hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt Tiểu dự án 1 Dự án 9; hướng dẫn thực hiện nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 9; sớm ban hành khung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, ... thuộc Tiểu dự án 2, 4 Dự án 5; hướng dẫn thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Hướng dẫn triển khai việc xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ “khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh” tạo việc làm, sinh kế bền vững thuộc Dự án 2; tiêu chí xác định đối tượng người lao động có thu nhập thấp để triển khai thực hiện các nội dung đào tạo nghề thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 4; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng sàn giao dịch việc làm trực tuyến và cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc, xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động thuộc Tiểu dự án 3 Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

+ Hướng dẫn về triển khai ứng dụng khám chữa bệnh từ xa; hướng dẫn về tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đảng bộ, chính quyền huyện;... trong triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới cấp xã, cấp huyện. hướng dẫn nội dung, trình tự, định mức phân bổ vốn thực hiện các Chương trình chuyên đề thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Hướng dẫn về cơ chế hỗ trợ, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư thực hiện một số chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung số 02, Tiểu dự án 2, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng: (i) Bổ sung đối tượng sinh viên sư phạm hệ chính quy trình độ cao đẳng, đại học ngành Giáo dục Mầm non không qua giai đoạn học dự bị đại học hoặc đào tạo theo hình thức cử tuyển (theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được đào tạo đại học) tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc; (ii) Bổ sung phạm vi đào tạo đại học đối với sinh viên sư phạm hệ chính quy các ngành Giáo dục tiểu học, Giáo dục trung học; (iii) Cách thức, quy trình thực hiện đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học của Chương trình thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm (đây là nhu cầu rất lớn của tỉnh Kon Tum hiện nay).

- Hiện nay có quá nhiều văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình do các cơ quan Trung ương ban hành, hướng dẫn, đề nghị các bộ, ngành chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia nghiên cứu, tổng hợp, hợp nhất các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện chương trình để địa phương dễ dàng nghiên cứu, áp dụng đồng bộ.

Trên đây là báo cáo về kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; kính báo cáo Đoàn giám sát Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Quốc hội (B/c);
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (B/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (B/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (B/c);
- Ủy Ban Dân tộc (B/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (B/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (B/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN, KGVX, KTTH.PHD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn